

## TƯƠNG TÁC TRONG GIỜ HỌC TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Nguyễn Thị Huệ<sup>1</sup>, Hà Thúy Ngọc<sup>1</sup>, Nguyễn Xuân Tiến<sup>2\*</sup>  
<sup>1</sup>Đại học Sài Gòn, <sup>2</sup>Đại học Thái Nguyên

### TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện tại trường Đại học Sài Gòn nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động tương tác bằng tiếng Anh giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên trong các giờ học tiếng Anh không chuyên, tìm hiểu những lợi ích về học tập sinh viên có thể nhận được từ các hoạt động tương tác và những yếu tố ảnh hưởng đến tương tác trong giờ học tiếng Anh. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu khảo sát 493 sinh viên và 14 giảng viên, kết hợp quan sát hoạt động tương tác trong các giờ học tiếng Anh không chuyên (tiếng Anh I, II, III) trong năm học 2019-2020. Kết quả khảo sát cho thấy việc dạy học môn tiếng Anh tại trường Đại học Sài Gòn áp dụng theo hướng dạy học tích cực, nhận thức khác nhau của sinh viên về lợi ích tương tác bằng tiếng Anh với giảng viên, với bạn học trong giờ học tiếng Anh, và những yếu tố khuyến khích hay hạn chế sự tham gia tương tác của sinh viên. Trên cơ sở kết quả có được, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến việc dạy học tiếng Anh không chuyên hiện nay tại cơ sở đào tạo.

**Từ khóa:** *Tương tác; dạy học tương tác; năng lực giao tiếp; câu hỏi; đàm phán.*

*Ngày nhận bài: 09/7/2020; Ngày hoàn thiện: 05/8/2020; Ngày đăng: 04/9/2020*

## INTERACTION IN EFL CLASSROOM AT SAIGON UNIVERSITY

Nguyen Thi Hue<sup>1</sup>, Ha Thuy Ngoc<sup>1</sup>, Nguyen Xuan Tien<sup>2\*</sup>  
<sup>1</sup>Saigon University, <sup>2</sup>Thai Nguyen University

### ABSTRACT

The study was conducted at Saigon University to find out the current situation of interaction in English between lecturers and students, between students and students in non-professional English classes, to learn the benefits in terms of learning that students can gain from interactive activities and the factors that influence interaction during English lessons. The study was conducted based on survey data of 493 students and 14 lecturers, combining observation of interactive activities in non-professional English classes (English I, II, III) in the academic year 2019-2020. The survey results show positive English teaching at Saigon University, different perceptions of students about the benefits of interacting in English with lecturers and their peers and factors that encourage or limit student interaction. Based on the results obtained, the research team makes some recommendations regarding the current teaching of non-professional English at the training institution.

**Keywords:** *Interaction; interactive teaching; communicative competence; question; negotiation.*

*Received: 09/7/2020; Revised: 05/8/2020; Published: 04/9/2020*

\* Corresponding author. Email: [tiennx@tnu.edu.vn](mailto:tiennx@tnu.edu.vn)

## 1. Đặt vấn đề

Yêu cầu đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ ở các cấp học, đặc biệt ở bậc Đại học nhằm tiến tới mục tiêu sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng ngoại ngữ độc lập, tự tin trong giao tiếp, làm việc trong môi trường hội nhập, đa văn hóa đang ngày càng trở nên cấp bách, nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội. Để đạt được mục tiêu trên, ngành giáo dục cần phải có sự thay đổi, đó là sự dịch chuyển từ phương pháp dạy học lấy người dạy làm trung tâm sang phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm. Trong số nhiều phương pháp dạy học tích cực ra đời nhằm khai thác tính chủ động, và tiềm năng của người học, phải kể đến phương pháp dạy học tương tác – một phương pháp dựa vào tác động qua lại của các yếu tố tham gia vào quá trình dạy học để tạo nên tính tương tác đa chiều giữa chủ thể và khách thể của hoạt động dạy học.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu là tìm hiểu thực trạng tương tác trong lớp học tiếng Anh không chuyên tại trường Đại học Sài Gòn, vai trò của tương tác trong việc phát triển năng lực tiếng Anh của sinh viên và các yếu tố tác động tương tác giữa giảng viên- sinh viên, tương tác giữa sinh viên-sinh viên trong các giờ học tiếng Anh và trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này.

## 3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các hoạt động tương tác bằng lời nói giữa giảng viên - sinh viên, giữa sinh viên - sinh viên trong giờ học tiếng Anh không chuyên tại trường Đại học Sài Gòn. Khách thể tham gia nghiên cứu khảo sát gồm 14 giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh bậc đại học (trung bình là 14,4 năm) và 493 sinh viên không chuyên có trình độ tiếng Anh từ sơ cấp đến trung cấp.

## 4. Phương pháp nghiên cứu

### 4.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Nhóm tập trung tìm hiểu các nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài, phạm vi trong nước và ngoài nước, tìm hiểu các khái niệm về năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ, tương tác

và tương tác trong lớp học, các yếu tố tác động tương tác trong lớp học... qua đó tổng hợp các lý thuyết về dạy học ngoại ngữ theo hướng giao tiếp, dạy học tương tác.

## 4.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

### 4.2.1. Phương pháp điều tra

Khảo sát thực tế hai bảng câu hỏi dành cho sinh viên, giảng viên gồm các câu hỏi đóng lựa chọn cho phép người trả lời chọn một phương án cho sẵn và câu hỏi đóng tùy chọn cho phép chọn nhiều phương án cho sẵn. Bảng khảo sát được gửi cho sinh viên, giảng viên thông qua đường dẫn trên Internet để thu thập dữ liệu.

Bảng hỏi khảo sát sinh viên tập trung tìm hiểu nhận thức, thái độ của sinh viên về tương tác, vai trò của tương tác đối với sự phát triển kiến thức từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh, và các yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến sự tích cực tương tác của sinh viên trong giờ học tiếng Anh.

Bảng câu hỏi khảo sát giảng viên tập trung tìm hiểu mức độ giảng viên sử dụng tiếng Anh trong lớp, tổ chức, điều khiển và quản lý các hoạt động tương tác trong giờ dạy.

### 4.2.2. Phương pháp quan sát

Dự giờ các tiết học tiếng Anh không chuyên - tiếng Anh I, tiếng Anh II, tiếng Anh III trong học kỳ 1 năm học 2019-2020. Quan sát kiểu tương tác, kiểu câu hỏi, các hoạt động nhóm, mức độ sử dụng tiếng Anh trong tương tác của giảng viên và sinh viên.

## 5. Tổng quan nghiên cứu

### 5.1. Dạy học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận giao tiếp

#### 5.1.1. Năng lực giao tiếp

Hymes [1] nhắc đến khái niệm năng lực giao tiếp là khả năng chuyển tải, hiểu được những thông điệp giữa các cá nhân trong những tình huống nhất định. Savignon [2] mô tả năng lực giao tiếp là khả năng của người học ngôn ngữ tương tác lời nói với người khác để diễn đạt suy nghĩ và năng lực này hoàn toàn khác với năng lực thực hiện các bài kiểm tra về kiến thức ngữ pháp. Theo Cane và Swain (1980), năng lực giao tiếp gồm năng lực ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ xã hội, năng lực phát ngôn, năng lực chiến lược [3].

### 5.1.2. *Dạy học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận giao tiếp*

Brown, H. D. [1] đề cập đến 4 đặc điểm của dạy học hướng giao tiếp là người học đạt được khả năng thành thạo về ngôn ngữ, các hoạt động ngôn ngữ được thiết kế khuyến khích người học tham gia sử dụng ngôn ngữ giao tiếp một cách chính xác, phù hợp với hoàn cảnh, tập trung phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ lưu loát, người học tiếp nhận ngôn ngữ và sử dụng được ngôn ngữ trong những tình huống không chuẩn bị trước.

Allwright [4] cho rằng không thể hy vọng người học có thể sử dụng những gì học trong lớp ra bên ngoài lớp học nếu họ chưa bao giờ có nhiều cơ hội thực hành những tình huống tương tự như 'cuộc sống thực'. Do vậy, việc cho phép người học tham gia các hoạt động thực hành được thiết kế mô phỏng giao tiếp có thật (ví dụ: từ chối lời mời đến bữa tối) là cách để thu hẹp khoảng cách giữa bài tập trong lớp học và giao tiếp thực sự.

Richards & Rodgers [5], Meng và Wang [6] cho rằng ngoại ngữ vừa phải là nội dung giảng dạy vừa phải là phương tiện dùng để giảng dạy thông qua các hoạt động tương tác trực tiếp trong lớp học và các hoạt động ngôn ngữ trong lớp học phải được thiết kế hướng đến giao tiếp thật sự và có ý nghĩa.

### 5.1.3. *Thuyết ngữ nhập (Input Hypothesis)*

Stephen Krashen [5] và Jack C. Richards & Willy A. Renandya (2001) [6] cho rằng ngữ nhập (input) có vai trò quan trọng đối với quá trình người học thụ đắc ngôn ngữ. Theo đó, nếu xem khả năng ngôn ngữ hiện tại của người học là (i), thì độ khó và phức tạp của ngữ nhập chỉ nên ở mức (i+1), nghĩa là không thể quá khó so với trình độ của người học và người học vẫn hoàn toàn có thể hiểu được nhờ vào nền tảng về ngôn ngữ và sự hỗ trợ từ kiến thức khác như hiện tượng cận ngôn, sự hiểu biết về hoàn cảnh, hiểu biết về thế giới. Krashen [5] cho rằng ngữ nhập càng nhiều thụ đắc ngôn ngữ càng nhiều và ngược lại ngữ nhập hạn chế việc thụ đắc ngôn ngữ diễn ra càng giảm.

### 5.1.4. *Thuyết tương tác (Interaction Hypothesis)*

Lý thuyết tương tác (Interaction Hypothesis) của Michael Long (1985,1996) đề cập đến những kỹ thuật điều chỉnh trong tương tác

giúp cho các bên giao tiếp khắc phục được những khó khăn để duy trì tương tác dẫn đến kết quả là ngữ nhập trở nên dễ hiểu [1].

Meng and Wang [6] nhấn mạnh tương tác giúp người học tiếp cận ngữ nhập nhiều hơn bằng cách nghe nhiều, từ đó gia tăng vốn ngôn ngữ của người học. Cũng bằng cách tương tác, người học sử dụng ngôn ngữ nhiều hơn, dám thử những từ ngữ mới, cấu trúc mới để giao tiếp được với bạn tương tác. Như vậy, ngoài ngữ nhập là điều kiện cần cho việc thụ đắc ngôn ngữ, tương tác tạo thuận lợi cho người học tiếp thu ngôn ngữ mới một cách tự nhiên.

### 5.2. *Dạy học tương tác (interactive teaching)*

Hoàng Thanh Hương [7] cho rằng “Tính ưu việt của phương pháp dạy học tương tác trong giảng dạy ngoại ngữ nằm ở chỗ: nó đã làm tăng tính tự chủ và độc lập của người học trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ và phát triển môi trường học ngoại ngữ một cách tự giác. Đồng thời phương pháp này cũng tạo cơ hội cho người học có thể tiếp thu và thực hành ngôn ngữ một cách trực tiếp.”

#### 5.2.1. *Tương tác trong lớp học*

Tương tác là hoạt động tương hỗ đòi hỏi ít nhất hai đối tượng tham gia tương tác với nhau và có hai hoạt động cùng diễn ra một cách tự nhiên [8]. Tương tác không diễn ra một phía mà phải có sự tác động qua lại giữa hai đối tượng trao đổi thông tin để đạt được mục đích giao tiếp. Theo Wagner [9] tương tác chủ yếu trong lớp học ngoại ngữ là tương tác lời nói và đối tượng tham gia tương tác là giáo viên và người học.

Tương tác giữa giáo viên và người học có thể diễn ra theo nhiều cách như tương tác giữa giáo viên với cả lớp, giữa giáo viên với từng cá nhân người học, hoặc giữa giáo viên với một nhóm người học. Giáo viên vừa là người tổ chức hoạt động, người điều khiển hoạt động, người đánh giá hoạt động, người tham gia tương tác vừa là người cung cấp tài nguyên ngôn ngữ cho người học [6].

Hall [10] đề cập đến kiểu tương tác IRE (Initialing-Response-Evaluation) giữa giáo viên và người học, theo đó giáo viên khởi đầu tương tác bằng cách đặt câu hỏi cho người học (Initiating), tiếp đó người học trả lời câu hỏi của giáo viên (Response) và sau cùng là

giáo viên đánh giá phần trả lời của người học đúng hay sai (Evaluation). Kiểu tương tác IRE diễn ra rất thường xuyên ở nhiều cấp lớp học từ tiểu học cho đến cấp đại học, đặc biệt ở các lớp có người học trình độ thấp.

Tuy nhiên, tương tác IRE không khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ nhiều [10]. Người học tương tác theo kiểu IRE ít có khả năng nhớ và hiểu nội dung bài so với những người học tham gia vào các kiểu tương tác phức tạp hơn. Lin [10] nghiên cứu về tương tác tại các lớp học tiếng Anh ở Hong Kong nhận thấy ngoài việc hạn chế cơ hội thực hành, tương tác IRE không tạo được sự thích thú của sinh viên đối với việc học tiếng Anh.

Tương tác IRE có thể điều chỉnh thành kiểu tương tác IRF (Initializing-Response-Follow up). Giai đoạn thứ ba trong tương tác IRE được thay bằng những câu hỏi tiếp theo (follow-up question) để khuyến khích người học tương tác lâu hơn và gia tăng cơ hội sử dụng ngôn ngữ. Sullivan [10] nghiên cứu về việc học tiếng Anh tại Việt Nam cho biết trong các lớp học tiếng Anh giáo viên thường xuyên sử dụng những câu hỏi tiếp nối câu trả lời của người học và điều này khuyến khích người học sử dụng tiếng Anh nhiều hơn.

Kỹ năng đặt câu hỏi của giáo viên giữ vai trò quan trọng trong tương tác, vừa mang lại không khí học tập vui vẻ vừa khuyến khích người học tham gia. Hai loại câu hỏi thường xuyên được giáo viên sử dụng trong lớp học là câu hỏi hiển thị (display question) và câu hỏi tham khảo (referential question). Theo Nematullah Shomoossi [11] câu hỏi hiển thị là dạng câu hỏi mà giáo viên biết trước câu trả lời và được giáo viên sử dụng để kiểm tra kiến thức, mức độ hiểu bài của người học. Tuy nhiên câu hỏi hiển thị không khuyến khích người học giao tiếp nhiều. Ngược lại, câu hỏi tham khảo là loại câu hỏi mà giáo viên không biết trước câu trả lời sẽ là gì, người trả lời lựa chọn, quyết định thông tin cần chia sẻ, giải thích. Các câu hỏi tham khảo sẽ không chỉ khơi dậy sự thích thú được chia sẻ mà còn giúp phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học.

Theo Long [12] tương tác người học – người học mang lại nhiều lợi ích học tập, đặc biệt ở những lớp có sĩ số đông. Lê Phạm Hoài Hương

[13] đã nêu “Khi học viên tương tác với nhau, họ có thể phát triển kỹ năng, chiến lược học tập và giải quyết vấn đề một cách hữu hiệu. Trong các hoạt động giải quyết vấn đề, những học viên ít khả năng hơn làm việc với những người có khả năng hơn, sự diu dặt, chỉ dẫn thông qua việc sử dụng ngôn ngữ sẽ giúp người ít có khả năng hơn sử dụng được tiềm năng của mình”. Tương tác người học - người học diễn ra theo nhiều cách khác nhau như tương tác đôi hoặc tương tác nhóm lớn hơn.

*5.2.2. Vai trò của tương tác đối với việc phát triển năng lực giao tiếp của người học và các yếu tố ảnh hưởng đến tương tác trong lớp học*

Mark Payne [14] khẳng định tương tác của người học có vai trò rất quan trọng. Nếu muốn người học thụ đắc một ngôn ngữ mới họ cần được tiếp cận thường xuyên ngôn ngữ nhập phù hợp với năng lực ngôn ngữ của họ bằng cách nghe, đọc và đồng thời cần có nhiều cơ hội sử dụng ngôn ngữ đó trong lớp học, tương tác với giáo viên và những người khác.

Yu [15] khẳng định đàm phán giữ vai trò quan trọng trong tương tác ở lớp học. Đàm phán được hiểu là các bên tham gia tương tác dùng ngôn ngữ để trao đổi, thương lượng, giải thích nhằm mục đích hiểu được người kia nói. Khi người học đàm phán nhiều thì càng có cơ hội sử dụng ngôn ngữ.

Tương tác trong lớp học ngoại ngữ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Smith và Berdine [16] đề cập tới 3 nhóm yếu tố tác động ảnh hưởng đến sự tham gia của người học trong lớp tiếng Anh gồm: điều kiện học tập (kích thước lớp học, thời gian lớp học diễn ra, nhiệt độ phòng học, thời gian buổi học, kiểu hoạt động), yếu tố liên quan đến người dạy (tâm trạng người dạy, tính cách), yếu tố liên quan đến người học (tâm trạng lo lắng, sợ hãi). Nghiên cứu của Maftoon và Ziafar [17] kết luận một số yếu tố ảnh hưởng tương tác của sinh viên Nhật Bản trong lớp học tiếng Anh là nhận thức của sinh viên về vai trò của tiếng Anh trong xã hội Nhật Bản, tâm trạng lo lắng, yếu tố văn hóa, động cơ học tập và kiểu học của sinh viên.

## **6. Kết quả**

Kết quả khảo sát 493 sinh viên cho thấy phần lớn sinh viên hưởng ứng học theo hướng tương tác. 5% cho biết trong lớp rất tích cực

trương tác với giảng viên, với bạn học. Hơn nửa số sinh viên tham gia khảo sát cho biết tham gia tương tác trong giờ học ở mức khá tích cực, 56,7% trả lời khá thường xuyên tham gia tương tác với giảng viên và 61% khá tích cực tương tác với bạn trong giờ học tiếng Anh. Kết quả cho thấy sinh viên đang thích nghi với phương pháp dạy học tích cực hiện đang được áp dụng ở các lớp tiếng Anh không chuyên trong phạm vi trường- dạy tiếng Anh hướng đến sinh viên giao tiếp được bằng tiếng Anh. Bắt đầu từ năm học 2005-2006 nhà trường thực hiện đổi mới việc dạy và học tiếng Anh không chuyên trong phạm vi toàn trường. Công tác sàng lọc, phân loại trình độ tiếng Anh của sinh viên được thực hiện thông qua các kỳ thi khảo sát tiếng Anh, qua đó những sinh viên chưa đạt mức điểm theo yêu cầu của nhà trường (50/100 điểm) sẽ không được đăng ký học phần Tiếng Anh I. Về việc giảng dạy, giảng viên trong tổ bộ môn tiếng Anh không chuyên đã tích cực thay đổi phương pháp dạy học theo hướng giao tiếp. Kể từ đó, hoạt động dạy và học trong các lớp tiếng Anh không chuyên không chỉ tập trung vào cung cấp kiến thức ngữ pháp, từ vựng và học chủ yếu bằng cách lắng nghe, ghi chép, làm bài tập có sẵn trong sách; sinh viên bắt buộc phải tham gia các hoạt động ngôn ngữ hướng đến phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Anh tốt. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ vẫn chưa kịp thay đổi, thích nghi hoàn toàn với cách dạy học tích cực. Trên 32% sinh viên trả lời không tích cực tham gia tương tác với giảng viên, với bạn học và khoảng 1% sinh viên cho biết tìm cách né tránh tương tác với giảng viên, với bạn học trong giờ học tiếng Anh.

Kết quả khảo sát cho thấy sự thay đổi tích cực của giảng viên trong giảng dạy môn tiếng Anh. Giảng viên sử dụng tiếng Anh nhiều hơn tiếng Việt làm phương tiện giảng dạy, trao đổi với sinh viên. 12/14 giảng viên được khảo sát cho biết sử dụng tiếng Anh trong lớp ở mức độ 50% - 90% và sinh viên có thái độ tích cực đối với việc nghe giảng bằng tiếng Anh (theo kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên sử dụng tiếng Anh ở mức độ từ 50%-70% so với tiếng Việt là hợp lý vì trình độ sinh viên trong các lớp chủ yếu ở cấp độ đầu trung cấp (pre-intermediate). Ngoài ra, sinh viên khẳng định những lợi ích học tập từ việc nghe giảng bằng

tiếng Anh. 84,7% sinh viên cho biết giảng viên tương tác với sinh viên bằng tiếng Anh mang lại cơ hội cho sinh viên rèn luyện nghe và nói; 67,1% cho biết có thể tự điều chỉnh phát âm theo phát âm của giảng viên; 51,5% học thêm từ vựng mới, cấu trúc câu mới khi nghe giảng viên nói; 35,7% có thể phát hiện ra những lỗi sai về từ vựng ngữ pháp để từ đó tự điều chỉnh và tự sửa lỗi sai của mình và 29,2% sinh viên trả lời mình cảm thấy thích thú, được khích lệ học tập môn học này khi giảng viên sử dụng tiếng Anh giảng bài, trao đổi với sinh viên.

Ngoài ra, giảng viên đã tích cực thiết kế các bài dạy theo hướng tương tác, khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh thông qua hoạt động hỏi đáp giữa giảng viên với sinh viên, các hoạt động tương tác giữa sinh viên với sinh viên. Qua khảo sát sinh viên phần lớn (65,1%) cho rằng hoạt động khuyến khích sinh viên tương tác là trả lời câu hỏi của giảng viên, 42,1% chọn hoạt động thảo luận một chủ đề do giảng viên đưa ra, 32,6% chọn hoạt động giải quyết một vấn đề do giảng viên giao nhiệm vụ, 23,7% chọn hoạt động đóng vai tình huống, 25,7% chọn hoạt động thảo luận một chủ đề cho sinh viên tự chọn và 10,3% chọn hoạt động thực hiện phỏng vấn.

Theo đa số sinh viên được khảo sát, các hoạt động tương tác giữa sinh viên với sinh viên mang lại những lợi ích học tập. 92,3% sinh viên trả lời tương tác giúp sinh viên tăng khả năng nghe hiểu; 81,5% cho biết tương tác giúp họ luyện tập khả năng nói và 79,1% chọn tương tác giúp sinh viên phát triển vốn từ vựng; 34% xác nhận sinh viên có thể học thêm những cấu trúc mới từ bạn tương tác. Tương tác cũng hỗ trợ sinh viên đọc và viết tốt hơn, với 48,9% cho biết tương tác hỗ trợ sinh viên đọc và 21,9% cho biết tương tác hỗ trợ sinh viên viết.

Kết quả quan sát các lớp tiếng Anh I, tiếng Anh II, tiếng Anh III cho thấy nhiều hoạt động tương tác diễn ra trong giờ học. Giảng viên tương tác với sinh viên chủ yếu thông qua hoạt động giảng bài, hỏi đáp và sinh viên tương tác với sinh viên qua các hoạt động nhóm như nhóm đôi và nhóm 3-4 sinh viên (do cách bố trí bàn dài theo hàng nên khi làm bài tập nhóm các sinh viên trong cùng 1 bàn sẽ tạo thành 1 nhóm 3-4 người). Quan sát tương tác giữa giảng viên với sinh viên cho

thầy giảng viên kết hợp sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt khi giảng bài và khi tương tác với từng sinh viên giảng viên chủ yếu sử dụng các kiểu tương tác hỏi IRE và IRF, trong đó tương tác IRE chủ yếu trong tiết dạy ngữ pháp, từ vựng và đọc hiểu, nghe hiểu và tương tác IRF được sử dụng nhiều trong tiết thực hành nói, viết.

Quan sát các giờ học tiếng Anh, nhóm nghiên cứu nhận thấy đặc điểm chung ở các nhóm lớp là giảng viên sử dụng câu hỏi hiển thị nhiều gấp 3 lần câu hỏi tham khảo. Khi tương tác với sinh viên, giảng viên luôn là người khởi đầu tương tác với cả lớp, với một số sinh viên bằng cách đặt câu hỏi chủ yếu là câu hỏi hiển thị và sinh viên trả lời ngắn gọn, giảng viên phản hồi xác nhận đúng hoặc chưa đúng. Đặc biệt, trong phần dạy ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu, nghe hiểu giảng viên sử dụng 100% câu hỏi hiển thị gồm các câu hỏi chỉ cần trả lời xác nhận đúng/ sai, hoặc trả lời tìm thông tin trong bài đọc, bài nghe. Câu hỏi tham khảo được sử dụng nhiều trong phần bài tập nói và viết, qua đó sinh viên chia sẻ nhiều thông tin, quan điểm cá nhân như thảo luận theo chủ đề được giáo viên đưa ra.

Một kết quả khác là 41% ý kiến khảo sát chọn hoạt động tương tác nhóm hai người (bài tập đôi) khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh nhiều hơn so với tương tác nhóm hơn 2 người, chỉ với 23% ý kiến chọn. Quan sát các giờ học tiếng Anh không chuyên cho thấy hoạt động đôi (1-2 bài tập/1 unit) được giảng viên áp dụng thường xuyên hơn hoạt động nhóm đông người, đặc biệt ở các nhóm lớp tiếng Anh I và tiếng Anh II. Sinh viên đóng vai những tình huống đàm thoại như mua sắm, tìm nhà thuê, đặt phòng khách sạn, đi khám bệnh... Tuy nhiên, khi đóng vai tình huống sinh viên chủ yếu học thuộc và lặp lại lời thoại, tương tác không tự nhiên. Quan sát ở 2 nhóm lớp tiếng Anh I khác cho thấy giảng viên khuyến khích sinh viên đàm thoại mở rộng, khuyến khích sinh viên giao tiếp nhiều hơn và sinh viên đối đáp chia sẻ thông tin 'thật hơn' thay vì chỉ lặp lại những lời thoại trong bài mẫu. Quan sát ở các lớp tiếng Anh II, III các hoạt động nhóm lớn được giao cho sinh viên thực hành ngay tại lớp và thuyết trình sau đó, ví dụ như bài tập nhóm lập kế hoạch làm từ thiện, thiết kế một khách sạn trong mơ hay thảo luận cách tổ chức một bữa

tiệc cuối năm... Theo quan sát, khi tham gia bài tập đôi sinh viên có nỗ lực sử dụng tiếng Anh nhiều hơn so với bài tập nhóm lớn. Quan sát hoạt động thảo luận trong các nhóm lớn chúng tôi nhận thấy có hiện tượng chuyển ngữ, đặc biệt khi thảo luận ý tưởng sinh viên kết hợp cả tiếng Việt và tiếng Anh, nhưng khi trình bày kết quả trước lớp thì sinh viên trình bày bằng tiếng Anh.

Kết quả khảo sát về các yếu tố tác động đến tương tác trong giờ học tiếng Anh cho thấy những yếu tố khiến cho sinh viên tích cực tương tác trong lớp học dẫn đầu là nhu cầu giao tiếp (75,5%), điểm số môn học (62,8%), yêu cầu của công việc trong tương lai (59%), chủ đề thảo luận thú vị, phù hợp (49,2%), yếu tố bạn tương tác (41,1%), độ khó của nhiệm vụ vừa phải (19,4%) và những lý do khác như muốn thể hiện bản thân... (17%). Bên cạnh đó, những yếu tố cản trở sự tích cực tương tác với bạn học được 100% nhóm khảo sát chọn là tâm lý sợ sai, tính cách như nhút nhát, hướng nội (99,1%), chủ đề khó (50,7%), môi trường học tập như thời gian học, môi trường lớp học (22,9%) và lý do tiếng Anh không quan trọng với mình (14,4%).

### 7. Bàn luận và khuyến nghị

Kết quả khảo sát và quan sát trong các giờ dạy học tiếng Anh không chuyên cho thấy một số mặt tích cực và một số hạn chế về tương tác trong các lớp tiếng Anh không chuyên tại trường Đại học Sài Gòn.

Trước hết, việc giảng viên và sinh viên sử dụng tiếng Anh làm phương tiện dạy và học tạo môi trường thuận lợi để sinh viên tiếp cận nhiều ngữ nhập không chỉ từ giáo trình mà từ cả giảng viên và sinh viên. Tiếp xúc ngôn ngữ nói nhiều tạo thuận lợi cho việc phát triển khả năng nghe hiểu, tích lũy và phát triển từ vựng, chỉnh sửa phát âm. Ngoài ra, các hoạt động tương tác trong giờ học tiếng Anh đa dạng, các tình huống giao tiếp mô phỏng các hoạt động quen thuộc với sinh viên, phù hợp với khả năng tiếng Anh của sinh viên tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động. Thông qua các hoạt động tương tác sinh viên trải nghiệm sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học để chia sẻ quan điểm, ý tưởng, kinh nghiệm với người khác và đồng thời qua tương tác sinh viên học tập lẫn nhau, sinh viên yếu có thể học tập được từ những sinh viên khá, giỏi hơn. Việc sử dụng tiếng Anh

trong giao tiếp thường xuyên giúp sinh viên nhớ từ, nhớ cấu trúc lâu hơn, và hình thành phản xạ nói tiếng Anh tốt hơn. Hơn nữa, thái độ và nhận thức tích cực của sinh viên về tương tác trong giờ học tiếng Anh thúc đẩy sinh viên hợp tác, tạo thuận lợi cho giảng viên khi triển khai bài dạy trên lớp.

Tuy nhiên còn tồn tại một số hạn chế cần phải khắc phục. Thứ nhất, mức độ tương tác của sinh viên trong giờ học chưa cao và chưa chủ động, do một bộ phận sinh viên không tích cực và một số tìm cách tránh tương tác với giảng viên, với bạn học (tổng số có khoảng 33% sinh viên trong nhóm khảo sát). Những sinh viên này có thể vì một số lý do mà chưa thích nghi được với phương pháp giảng dạy hiện nay trong lớp tiếng Anh không chuyên. Sinh viên được khảo sát cho biết tâm lý sợ sai, tính cách nhút nhát, hướng nội, chủ đề khó, yếu tố môi trường học tập như thời gian học, cơ sở vật chất và do bản thân cảm thấy tiếng Anh không quan trọng là những yếu tố ảnh hưởng, hạn chế sự tích cực tham gia tương tác của sinh viên với giảng viên, với bạn học. Để cải thiện tình trạng lười tương tác của một số sinh viên, giảng viên có thể áp dụng một số cách như sau: khi tiến hành hoạt động hỏi đáp với sinh viên, giảng viên có thể dành những câu hỏi khó cho đối tượng sinh viên khá giỏi, năng nổ hoạt bát và dành những câu hỏi dễ hơn cho các sinh viên nhút nhát, yếu tiếng Anh, hay giao cho những viên này bài tập đơn giản, dễ hơn để tạo cảm giác yên tâm, không lo sợ nhằm khuyến khích sinh viên tham gia tương tác. Ngoài ra, với những chủ đề khó, giảng viên có thể hỗ trợ sinh viên bằng cách chuẩn bị cho sinh viên những từ vựng, cấu trúc cần thiết qua hình thức bài tập như ô chữ, câu đố, hay thảo luận cả lớp cho phép sinh viên tự do đóng góp ý kiến; hoặc nếu chủ đề quá khó, xa lạ với sinh viên thì giảng viên có thể linh hoạt thay đổi một bằng chủ đề khác quen thuộc hơn với sinh viên nhưng vẫn phải đảm bảo được mục tiêu bài học. Đồng thời, trong quá trình sinh viên làm bài tập nhóm, giảng viên cần quan sát các nhóm và hỗ trợ kịp thời khi sinh viên cần giúp đỡ chẳng hạn như sinh viên không biết từ vựng, không biết phát âm từ, không biết cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt. Điều này đòi hỏi giảng viên phải bao quát và quản lý lớp tốt khi cho sinh viên làm bài tập nhóm. Về vấn đề cơ

sở vật chất, giảng viên có thể kiến nghị, đề xuất với nhà trường trang bị cơ sở vật chất phù hợp với đặc điểm của môn học như bố trí bàn học có thể di chuyển vị trí được, giảm số lớp để tạo không gian thuận tiện cho việc di chuyển, hoạt động tương tác giữa các nhóm.

Thứ hai, chất lượng tương tác trong giờ học tiếng Anh còn chưa cao. Quan sát cho thấy giảng viên tương tác với sinh viên chỉ dừng lại ở hỏi đáp ngắn liên quan đến bài tập ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu, nghe hiểu, sinh viên chưa chủ động trong tương tác với giảng viên. Giảng viên luôn khởi xướng tương tác với sinh viên bằng cách gọi tên theo danh sách và từng sinh viên trả lời xong đến sinh viên khác. Kiểu tương tác IRE chiếm tỉ lệ cao trong giờ học, do vậy để khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh trong tương tác giảng viên cần áp dụng kiểu tương tác IRF nhiều hơn bằng cách hỏi những câu hỏi tiếp nối sau câu hỏi chính để tăng thời gian nghe nói tiếng Anh của sinh viên. Ngoài ra kỹ năng đặt câu hỏi của giảng viên quyết định mức độ tương tác của sinh viên, vì vậy giảng viên cần sử dụng nhiều câu hỏi tham khảo để khuyến khích sinh viên thực hành sử dụng tiếng Anh nhiều hơn, lâu hơn qua đó sinh viên chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm của bản thân nhiều hơn. Thực hành nhiều không chỉ giúp sinh viên nhớ từ ngữ mà còn giúp sinh viên phát triển cả kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là nghe và nói.

Một hạn chế khác là chất lượng tương tác nhóm chưa tốt và giảng viên chưa phát huy tốt khả năng quản lý hoạt động tương tác nhóm. Tương tác đôi chưa khuyến khích sinh viên thực sự sử dụng tiếng Anh nhiều. Để khuyến khích sinh viên giao tiếp tiếng Anh nhiều hơn giảng viên có thể thiết kế các bài tập gap filling cho sinh viên thực hành các tình huống tương tự bài thoại mẫu. Bên cạnh bài tập đôi, các hoạt động tương tác nhóm lớn tuy khuyến khích được sinh viên tương tác nhiều hơn, nhưng vẫn có hiện tượng chuyển ngữ, hoặc lơ là không làm nhiệm vụ, đặc biệt khi sinh viên gặp khó khăn về từ vựng, cấu trúc diễn đạt. Trường hợp này giảng viên cần phát huy khả năng bao quát lớp và kịp thời hỗ trợ sinh viên về từ vựng, cấu trúc diễn đạt để hạn chế tình trạng sinh viên chuyển sang dùng tiếng Việt

hoàn toàn khi tương tác. Lớp học cần được bố trí bàn học hợp lý, tạo khoảng không cho giảng viên di chuyển đến các nhóm để kiểm soát và hỗ trợ sinh viên khi cần.

Một kết quả khác của nghiên cứu là 100% sinh viên có tâm lý sợ sai và điều này có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp thu bài và sự tích cực tương tác của sinh viên trong giờ học. Giảng viên cần linh hoạt khi xử lý những lỗi sai mà sinh viên phạm phải trong quá trình học ngôn ngữ mới, tùy theo mục đích bài học mà xem xét lỗi sai một cách nhẹ nhàng, linh hoạt để tránh tạo sự căng thẳng trong lớp học. Có 50,7% sinh viên tham gia khảo sát cho rằng tính chất chủ đề khó làm cho sinh viên không tham gia tương tác. Để khắc phục hiện tượng trên, giáo viên có thể dành thời gian chuẩn bị cho sinh viên; trước khi giao từng nhóm tương tác, giảng viên có thể tổ chức thảo luận chung cả lớp để khơi gợi ý tưởng, bổ sung từ vựng, cấu trúc cần thiết hoặc giảng viên có thể linh hoạt thay sang một chủ đề khác quen thuộc với sinh viên mà vẫn đảm bảo được mục tiêu bài học. Đồng thời, trong quá trình sinh viên làm bài tập nhóm, giảng viên vẫn có thể hỗ trợ sinh viên khi cần thiết. Cuối cùng, 22,9% sinh viên đề xuất ý kiến liên quan đến môi trường học tập như không gian lớp học nhỏ, bàn học không thay đổi vị trí được, sĩ số lớp đông, ồn ào do các lớp học liền kề, không cách âm... Giảng viên có thể kiến nghị nhà trường xem xét, cải thiện môi trường học tập cho phù hợp với lớp học ngôn ngữ, đòi hỏi sự năng động tương tác.

### 8. Kết luận

Tương tác giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực tiếng Anh cho sinh viên. Để gia tăng tương tác trong các lớp học tiếng Anh không chuyên giảng viên cần sử dụng nhiều biện pháp khuyến khích sinh viên tham gia. Nghiên cứu cho thấy kỹ năng sử dụng câu hỏi của giảng viên có vai trò quyết định duy trì, kéo dài tương tác của sinh viên. Ngoài ra giảng viên cần hiểu tâm lý, khó khăn về ngôn ngữ của sinh viên để thiết kế các hoạt động tương tác phù hợp với đối tượng người học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. H. D. Brown, "Chapter 9: Communicative competence," in *Principles of language learning and teaching*, 4<sup>th</sup> edition. Longman, 2000, pp. 245-251.
- [2]. S. J. Savignon, "Communicative Language Teaching: State of The Art," *Tesol Quarterly*, vol. 25, no. 2, pp. 261-277, 1991.
- [3]. Wong, C. C. Yin, and M. Barrea-Marlys, "The role of grammar in communicative language teaching: an exploration of second language Teacher's perceptions and classroom practices," *Electronic Journal of Foreign Language Teaching*, vol. 9, no. 1, pp. 61-75, 2012.
- [4]. R. L. Allwright, "The importance of interaction in classroom language learning," *Applied Linguistics*, vol. 5, no. 2, pp. 156-169, 2014.
- [5]. W. Littlewood, "Communicative language teaching," in *Handbook of research in second language teaching and learning*, E. Hinkel, vol. II. Routledge, 2011, pp. 541-557.
- [6]. M. Xuemei, and W. Xuesong, "Action study of teacher's language on EFL classroom interaction," *Theory and Practice in Language Studies*, vol. 1, no. 1, pp. 98-104, 2011.
- [7]. T. H. Hoang, "Interactive teaching methods and effectiveness in teaching foreign languages," *Journal of Language and Life*, vol. 7, no. 237, pp. 38-41, 2015.
- [8]. M. M. Rahman, "Learning English through interaction in an EFL classroom," *International Journal of Languages and Literatures*, vol. 2, no. 2, pp. 203-217, 2014.
- [9]. J. Wagner, "Foreign language acquisition through interaction- A critical review of research on conversational adjustments," *Journal of pragmatics*, vol. 26, no. 2, pp. 215-235, 1996.
- [10]. J. K. Hall, "Classroom interaction and language learning," *Ilha do Desterro Florianópolis*, no. 41, pp. 17-3, 2001.
- [11]. N. Shomoossi, "The effect of teachers' questioning behavior on EFL classroom interaction: a classroom research study," *The Reading Matrix*, vol. 4, no. 2, pp. 96-104, 2004.
- [12]. M. Dagarin, "Classroom interaction and communication strategies in learning English as a foreign language," *Elope*, vol. 1, no. 1, pp. 127-139, 2005.
- [13]. P. H. T. Le, and T. T. H. Tran, "Interaction in classes of foreign languages in the light of sociocultural theory," *Journal of Language and Life*, vol. 6, no. 224, pp. 12-15, 2014.
- [14]. M. Payne, "Exploring Stephen Krashen's 'i + 1' acquisition model in the classroom," *Linguistics and Education*, vol. 22, no. 4, pp. 419-429, 2011.
- [15]. R. Yu, "Interaction in EFL classes," *Asian Social Science*, vol. 4, no. 4, pp. 48-50, 2008.
- [16]. Q. L. Trinh, and V. U. T. Huynh, "EFL Teachers' Challenges in Maximizing Classroom Interaction," *Studies in English Language Teaching*, vol. 5, no. 4, pp. 695-709, 2017.
- [17]. P. Maftoon, and M. Ziafar, "Effective Factors in Interactions within Japanese EFL Classrooms," *The Clearing House*, vol. 86, no. 2, pp. 74-79, 2013.